

GIÁ TRỊ NỘI DUNG TÁC PHẨM

THIỆN TÔNG BẢN HẠNH

của Thiền sư Chân Nguyên



Thích Nữ Phước Bảo*

Ra đời vào thời Trần, chữ Nôm được các Thiền sư sử dụng trong thơ ca với nhiều thể loại khác nhau. Sự xuất hiện và phát triển của chữ Nôm đã tạo nét độc đáo trong văn học và ngôn ngữ Đại Việt. Nếu như các tác phẩm nổi danh hiếm hoi còn lưu lại từ đời nhà Trần như: *Cư Trần Lạc Đạo Phú*, *Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca*, *Giáo tử phú* và *Vịnh Vân Yên Tử Phú* đã đưa chữ Nôm vào đời sống văn học thì Thiền sư Chân Nguyên với tác phẩm *Thiện Tông Bản Hạnh* đã tạo tiếng vang lớn, có vai trò quan trọng trong sự phục hưng tinh thần thiền phái Trúc Lâm sau hơn ba thế kỉ tạm lắng ở nước ta. Ngoài ra, giới

Thiền Tông Bản Hạnh là tác phẩm Quốc âm xưa nhất, là một trong những cột mốc đánh dấu sự phát triển của văn học chữ Nôm những năm cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII.



Nguồn: Bigthink.com

ngiên cứu ngày nay đánh giá *Thiền Tông Bản Hạnh* là tác phẩm Quốc âm xưa nhất, là một trong những cột mốc đánh dấu sự phát triển của văn học chữ Nôm những năm cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII.

SƠ LƯỢC VỀ THÂN THỂ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726) - pháp danh Tuệ Đăng - đã có nhiều hoạt động nổi bật ở những năm cuối thế kỉ XVII và đầu thế kỉ XVIII. Ngài phát nguyện xuất gia học đạo lúc 16 tuổi. Trải qua quá trình tầm sư học đạo, Ngài đắc pháp với Thiền sư Minh Lương và được

ban pháp hiệu Chân Nguyên. Trong suốt quá trình hoằng đạo, Thiền sư đã cảm hóa rất nhiều người thuộc nhiều tầng lớp xã hội, từ vua chúa, hoàng thân quốc thích, quan lại đến nông dân.

Vua Lê Hy Tông phong Thiền sư làm Vô Thượng Công. Với uy tín và sức ảnh hưởng lớn lao cùng đạo hạnh cao thâm, Ngài tiếp tục được vua Lê Dụ Tông phong làm Tăng thống, ban pháp hiệu Chánh Giác Hòa Thượng vào năm 1722. Thiền sư Chân Nguyên còn được truyền thừa y bát Trúc Lâm, trở thành trụ trì hai ngôi chùa lớn nhất của thiền phái Trúc Lâm là Long Động và Quỳnh Lâm. Năm 80 tuổi, Thiền sư viên tịch vào sáng ngày 28/10/1726, đại chúng hỏa thiêu thu xá lợi về thờ ở hai ngôi chùa trên.

Bên cạnh việc độ chúng, giáo hóa quần sanh phục vụ cho hạnh nguyện hoằng pháp lợi sanh, Thiền sư Chân Nguyên còn trước tác nhiều tác phẩm. Đó là đóng góp to lớn giúp trùng hưng Phật giáo Đại Việt cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII. Mỗi tác phẩm ra đời đã phản ánh đặc điểm, bối cảnh tư tưởng xã hội đương thời, như giáo sư Hà Văn Tấn khẳng định: “*Chính tất cả những đặc điểm của lịch sử Việt Nam đó quy định những đặc điểm tư duy-tư*

“Bốn phương khói tắt lửa lang
Phong điều vũ thuận dân khang thái bình
Được mùa hải yến hà thanh
Gia gia ngưỡng chúc thánh minh cứu trường”.



Nguồn: Pixabay.com



tường Việt Nam” [4, tr.48].

Kể từ thế kỉ XVII, Phật giáo bắt đầu chấn hưng trở lại, các thiền phái Lâm Tế, Tào Động lần lượt truyền vào Việt Nam. Vì hiểu rõ thiền phái Trúc Lâm là kết tinh tinh hoa trí tuệ Phật giáo Đại Việt, Thiền sư Chân Nguyên đã có chí nguyện phục hưng thiền phái Trúc Lâm. Ngài trước tác, sưu tầm, hiệu đính, lưu hành các kinh điển, tác phẩm trước đó. Năm 1704-1705, đời vua Lê Hy Tông, Ngài đã biên soạn *Thiền Tông Bản Hạnh*, tạo nên làn sóng phục hưng tinh thần thiền phái Trúc Lâm sau thời gian dài gần như bị quên lãng. *Thiền Tông Bản Hạnh* là tác phẩm văn học Phật giáo sáng tác theo lối diễn ca lịch sử bằng thể thơ lục bát. Tác phẩm bàn luận sâu sắc nhiều vấn đề tôn giáo, triết học, lịch sử và văn học với 760 câu thơ, gồm năm câu ngũ lục với bốn bài kệ bằng chữ Hán trình bày lịch sử, công hạnh, hành trạng của các vị vua nhà Trần ở núi Yên Tử. Ngoài ra, Thiền sư Chân Nguyên còn thể hiện quan điểm cá nhân về cốt lõi và phương pháp tu tập Thiền.

Thiền Tông Bản Hạnh là tác phẩm văn học chữ Nôm, tác giả đưa ra quan điểm cá nhân về thiền phái Trúc Lâm cùng cốt yếu của Thiền tông ở phần đầu và cuối

tác phẩm. Với vốn ngôn ngữ phong phú, Thiền sư Chân Nguyên đã mang đến cho người đọc cái nhìn sâu sắc về sự tu tập, đặc đạo của các vị vua oanh liệt nhà Trần và thể hiện rõ một số quan điểm nổi bật trong tư tưởng Thiền sư Chân Nguyên về cốt lõi Thiền tông.

GIÁ TRỊ NỘI DUNG TÁC PHẨM

Bối cảnh chiến tranh Đàng Trong - Đàng Ngoài tạm lắng, nền chính trị và đời sống nhân dân tương đối ổn định được phản ánh trong tác phẩm *Thiền Tông Bản Hạnh*, minh chứng qua câu thơ:

“Bốn phương khói tắt lửa lang
Phong điều vũ thuận dân khang thái bình
Được mùa hải yến hà thanh
Gia gia ngưỡng chúc thánh minh cứu trường”.

Tác phẩm đã góp công phục hưng tinh thần Thiền phái Trúc Lâm, khi kể lại công hạnh và hành trạng các vị vua nhà Trần, giúp mọi người hiểu hơn về một thiền phái của dân tộc sau ba thế kỷ tạm lắng.

Ngoài ra, với mong muốn “ôn cố tri tân”, *Thiền Tông Bản Hạnh* còn cho người đọc cái nhìn sâu



Nguồn: Infoplease.com

sắc, dễ hiểu về thời Trần nổi bật là hai vị vua anh hùng Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông với các chiến công hiển hách, lưu danh sử sách. Thế hệ ấy đã lập nên hào khí Đông A bất diệt, chói ngời trang sử Việt, như nhà sử học Nguyễn Khắc Thuần viết: “nhà Trần là một trong những cường quốc Đông Nam Á gắn liền với ba cuộc kháng chiến Mông Nguyên” [6, tr.130].

Tác phẩm đã khái quát lịch sử Thiền tông từ khởi nguyên Phật tại thế đến các Tổ Trung Hoa và sự nối tiếp truyền đăng ngọn đèn Thiền của chư Tổ Việt Nam - dòng Thiền tiếp thu tinh hoa của Ấn Độ, Trung Hoa với nhiều tư tưởng đặc sắc. Lịch sử ấy được Thiền sư Chân Nguyên diễn bày:

*“Tây Thiên Thích Ca là thầy,
Truyền cho Ca Diếp cùng thầy A Nan
Tính được nhị thập bát viên,
Hai mươi tám Tổ Tây Thiên thuở này”.*

Hay:

*“Một cây nở được năm chi,
Khai hoa kết quả đều thì chứng nên
Huệ Khả, Tăng Xán tục liên,*

Đạo Tín, Hoàng Nhãn, lục Thiền Huệ Năng”.

Tác phẩm còn chứa nhiều tư tưởng Thiền học của Thiền sư Chân Nguyên vốn mang dấu ấn đặc trưng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, đặc biệt ở đoạn đầu và cuối tác phẩm. Ví như Thiền sư viết về quan điểm Phật tại Tâm:

*“Trần trần sát sát Như Lai,
Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen”.*

Với thủ pháp nghệ thuật ẩn dụ, hoa sen chỉ cho Phật tính. Theo Thiền sư, Phật tính luôn hiện hữu trong mỗi người, hiển hiện ngay trong cuộc đời. Phật tính luôn luôn bình đẳng, không hề phân biệt, vì “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tính*”. Thế nên, Thiền sư mới viết:

*“Ai khôn chớ chạy Đông Tây
Bôn trì Nam Bắc luống công mê hồn”.*

Phật không ở phương Tây hay một cõi nào khác mà ngay trong hiện tại. Chính vì Phật tại Tâm, tư tưởng của Ngài đề cao giác tri tự tính, tự tính này vốn có sẵn, nên Ngài nói:

*“Chân như tính vốn thiên nhiên
Vô tạo vô tác căn nguyên của nhà”.*

Chân như là tự nhiên nhưng vì vô minh che mờ mà nhận giả làm chân, chạy theo tham dục, tà kiến, tìm cầu những nơi xa xôi, như Đức Phật từng dạy: “*Sắc, này các Tỷ-kheo, đang bốc cháy; thọ đang bốc cháy; tưởng đang bốc cháy; hành đang bốc cháy; thức đang bốc cháy!*” [1, tr.132]. Ấy vậy, con người sẵn sàng làm mọi việc để thỏa mãn dục vọng, tham ái và sân si đầy rẫy. Con người làm thế vì vô minh che lấp, không thấy rõ chân tướng cuộc đời là huyền hoặc, giả tạm, vì “*Phàm sở hữu tướng do như thị vọng*” mà chạy theo. Thiền sư nói rõ:

*“Khuyên người học đạo trí khôn
Giác tri tự tính chớ còn tìm đâu”.*

Chúng ta thấy rõ, quan điểm cầu đạo giác ngộ của Ngài không phải ở việc trực nhận cảnh giới cao siêu mà phụ thuộc vào trực kiến tự tính của tự thân như vua Trần Thái Tông từng nói: “*Phù học đạo chi nhân, duy cầu kiến tính*” (Phàm người học đạo, chỉ cần thấy tính) [8, tr.87]. Điều đó cũng phù hợp với ý “phản kỷ tự thân” mà Đức Phật luôn sách tấn đệ tử hãy tự mình thấp đức lên mà đi, tự mình làm hải đảo chính mình. Một khi ngộ ra lý ấy, nhận chân

được hư ảo thì không còn vương mắc hay bị tham dục sai khiến, việc học đạo mới mau tiến bộ. Ngược lại hiểu lầm cái giả cho là thật, cái huyền nhận là chân hoặc bám víu tham ái ở đời thì cuộc đời tu hành cũng không khác gì nấu cát thành cơm, gãi ngứa trên giày.

Khi giác tri tự tính, bản thể Chân Như tự nhiên hiển bày, khi ngộ được cái vô sở đắc, cái bất nhị pháp môn, con người không còn bị phụ thuộc vào điều gì mà tự tại như như. Cái tự tại, an nhiên vốn sẵn có, tự nhiên, không hình tướng, không bám víu, không nằm ở văn tự, không ở vọng duyên mà Thiền sư đã chỉ ra rất rõ:

*“Thuở xưa trời đất chưa sinh,
Cha mẹ chưa có thực mình chân không
Chẳng có tướng mạo hình dung,
Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư”.*

Ngoài việc kế thừa các tư tưởng này của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Thiền sư Chân Nguyên với sự chứng ngộ của bản thân, còn thể hiện quan điểm về thật tính Chân Như mới mẻ, đặc sắc nhưng không ngoài ý nghĩa giải thoát. Đó chính là tự tính trạm viên, vốn tròn đầy, vắng lặng và bao trùm tất cả:

*“Hoa là bản tính trạm viên
Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng”.*

Quan điểm của Thiền sư Chân Nguyên có sự dung hòa các pháp môn Đốn ngộ và Tiệm ngộ. Đối với pháp môn Đốn ngộ, Thiền sư đề cập đến các phương pháp thiền tông như: bông đầu (gỗ đầu), cử nhãn (đưa mắt nhìn), ấn



“Tịnh độ là lòng
trong sạch, chớ
còn ngờ hỏi đến
Tây phương, Di
Đà là tự tánh
sáng soi, mưa
phải nhọc tìm về
cực lạc”

tri (chứng minh cho là đã biết), ... Những phương pháp này đều được người thầy uyên chuyên vận dụng truyền đạt tùy theo căn cơ người học đạo.

Thiền sư luôn đề cao lối khai thị độc đáo, đặc biệt là Tứ mục tương cố với tần suất xuất hiện trong tác phẩm đến bảy lần. Đây là do Ngài được Thiền sư Minh Lương sử dụng phương pháp này khai thị. Nhờ đó, Ngài giác tri tự tính và được truyền tâm ấn. Tứ mục tương cố là một phương pháp mà theo Thiền sư:

*“Tam thế chư Phật Tổ sư
Tứ mục tương cố thị cừ Thiền cơ”.*
Hay:



Nguồn: Southeastasiabackpacker.com

*“Hóa Phật thọ ký vô biên
Tứ mục tương cố mật truyền tâm
tông”.*

Bốn mắt nhìn nhau là thiên cơ,
mật truyền, giống như khi Đức
Thế Tôn giờ đóa sen lên, trong
cả hội chúng chỉ có mỗi Ngài Ca
Diếp hiểu ý Đức Phật:

*“Thuở xưa hội cả Kỳ Viên
Bụt cầm một đóa hoa sen giờ bày
Ca Diếp trí tuệ khôn thay
Liễu ngộ tự tính bằng nay mỉm
cười”.*

Yếu chỉ của Thiên tông chính
là: *“trực chỉ chân tâm, kiến tánh
thành Phật”* và các phương pháp

khai thị này không ngoài mục đích
chỉ thẳng vào chân tâm, ấn tâm
truyền tâm. Không chỉ có phương
pháp Đốn ngộ, Thiền sư Chân
Nguyên còn kết hợp quan điểm
Thiền - Tịnh song tu: sử dụng các
lối khai thị của Thiền tông nhưng
vẫn có bóng dáng Tịnh độ tông.
Tuy nhiên, Ngài xem câu niệm
Phật là một phương tiện để giáo
hóa. Niệm danh hiệu Phật để vãng
sanh Tịnh độ chỉ là thế giới bên
ngoài người niệm Phật, thật niệm
Phật ngài muốn đề cập chính là tự
tính Di Đà. Vậy nên cuối cùng, tư
tưởng niệm Phật của Thiền sư lại
đúc kết ở câu cuối trong tác phẩm
Tịnh Độ Yếu Nghĩa:

*“Tịnh độ rõ ràng ngay trước mắt
Phút giây không nhọc đến Tây
thiên
Pháp thân đẹp quá siêu ba cõi
Hóa hiện Di Đà ngồi chín sen”*
[5, tr.176].

*“Tịnh độ rõ ràng ngay trước
mắt”* là tư tưởng Phật luôn hiện
hữu trong thực tại, theo đó con
người tìm thấy Đức Phật bên
trong sự thanh tịnh của lòng
mình. Thiền sư là người xuất thân
từ Trúc Lâm Yên Tử, là người
tiên phong trong công cuộc phục
hưng tinh thần thiền phái Trúc
Lâm và kế thừa tư tưởng này từ
các bậc cao tăng bốn phái, như
vua Trần Thái Tông trong Niệm
Phật luận có dạy:

*“Ư niệm Phật thì chánh thân
đoan tọa, bất hành tà hạnh, thị
tức thân nghiệp dã. Khẩu tụng
chân ngôn, bất đạo tà ngữ, thị tức
khẩu nghiệp dã, ý tồn tinh tiến,
bất khởi tà niệm, thị tức ý nghiệp
dã”. (Trong lúc niệm Phật, thân
thẳng ngồi ngay, không làm việc
tà, như vậy là tắt được nghiệp
thân. Miệng tụng lời chân chính,
không nói điều xằng bậy, thế là*

*tắt được nghiệp miệng. Ý chăm
chú ở sự tinh tiến, không nảy sinh
ý nghĩ tà, thế là tắt được nghiệp
ý) [8, tr.84-85].*

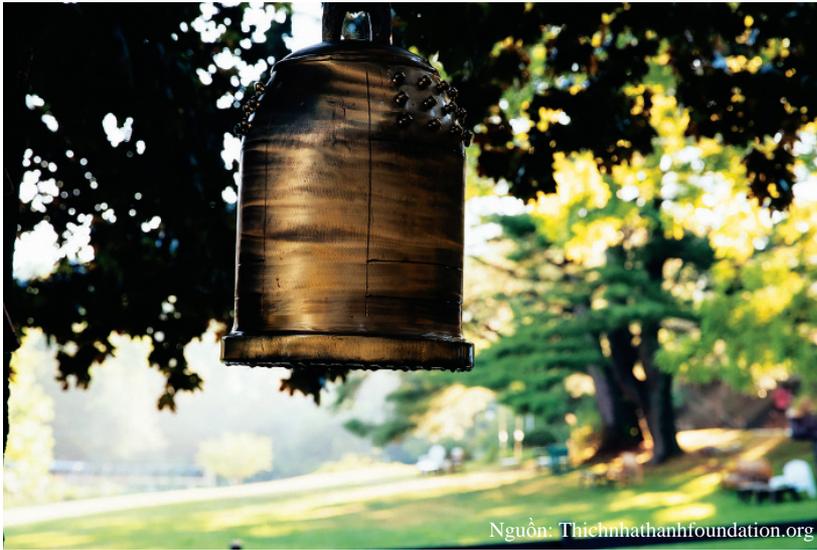
Lời dạy đó đồng mục đích dẹp bỏ
những tà niệm, thay vào đó những
niệm chơn chánh. Hay quan điểm
của vua Trần Nhân Tông: *“Tịnh
độ là lòng trong sạch, chớ còn
ngờ hỏi đến Tây phương, Di Đà
là tự tánh sáng soi, mượn phải
nhọc tìm về cực lạc”* [8, tr.505].

Đó chính là sự kết hợp pháp môn
Tịnh Độ như cách thức tu Thiền
nhằm dừng lại các vọng tưởng.
Lý giải thêm cho tư tưởng này
qua hình tượng Chân Nguyên
Thiền sư xây dựng các tòa cửu
phẩm liên hoa, học giả Nguyễn
Duy Hinh nhận xét: *“... tòa
Cửu phẩm Liên Hoa này không
phải vật chứng về sự tồn tại của
tông Tịnh Độ mà là vật chứng về
Thiền Tịnh tịnh tu”* [2, tr.668-
674]. Hai pháp môn này tương
hỗ nhau, giúp hành giả đạt kết
quả trên con đường tu tập. Ở
Thiền Tông Bản Hạnh, Thiền sư
Chân Nguyên đề cập:

*“Những người niệm Bụt Di Đà
Phật danh
Cùng về Cực Lạc hóa sinh,
Mình vàng vóc ngọc quang minh
lâu lâu
Tiêu dao khoái lạc chẳng âu,
Bất sinh bất diệt ngồi lâu Tòa Sen”.*

Khi hành giả đạt được bất sanh,
bất diệt ngồi lâu tòa sen, đồng
nghĩa đã giác tri tự tính trong
Thiền tông, chứng đạt quả vị giác
ngộ, đạt được mục đích cuối cùng
trong tu tập.

Trong công cuộc chấn hưng Phật
giáo Đàng Ngoài cuối thế kỷ
XVII - đầu thế kỷ XVIII, Thiền
sư Chân Nguyên cùng đệ tử đã



Nguồn: Thichnhathanhfoundation.org

trùng khắc và hiệu đính rất nhiều tác phẩm bị thất lạc trước đó. Việc giới thiệu sách Thánh Đăng Ngữ Lục cũng cùng mục đích Thiền sư trước tác *Thiền Tông Bản Hạnh*. Ngài đã viết rất rõ ràng: “*Đạo truyền từ cổ chí kim (kim) Thánh Đăng Ngữ Lục ấn tâm trường tồn*”.

Sở dĩ Ngài khuyến khích in ấn tác phẩm này vì *Thánh Đăng Ngữ Lục* viết về năm vị vua nhà Trần, và được y cứ để viết ra *Thiền Tông Bản Hạnh*. Đây là quyển sách rất quan trọng đối với người tu thiền, Thiền sư Chân Nguyên đã tán thán: “*Xem Thánh Đăng Lục giảng ra Kéo đèn Phật Tổ sáng hòa Tam thiên*”.

Nghĩa là xem quyển *Thánh Đăng Lục* giảng ra đồng nghĩa với việc thấp sáng ngọn đèn trí tuệ, ngọn đèn của chư Tổ đã tìm ra, sẽ tỏa khắp cả tam thiên, đại thiên thế giới và giáo pháp, chân lý đức Phật tìm ra sẽ mãi lưu truyền. Trong lời tựa sách *Thánh Đăng Lục Giảng Giải*, Thiền sư Thanh Từ cũng đã nhấn mạnh: “*sẽ là một thiếu sót*

lớn nếu học Thiền Tông Bản Hạnh mà không biết đến tác phẩm này, vì Thánh Đăng Ngữ Lục là một tác phẩm giúp người học đạo nhận ra trọng trách tu hành đúng với Thiền tông” [7, tr.1].

Tóm lại, sự ra đời của tác phẩm *Thiền Tông Bản Hạnh* có ý nghĩa rất lớn trước bối cảnh xã hội rối ren lúc bấy giờ, như những phân tích ở trên, chúng ta thấy được tác phẩm không chỉ mang giá trị lịch sử mà còn nhiều giá trị tư tưởng khác về văn hóa và triết học tôn giáo. Trước thế sự không ổn định, Thiền sư Chân Nguyên tìm đến con đường kể lại lịch sử với mong muốn học hỏi, noi gương các vị vua nhà Trần.

Khi viết về triều Trần, Thiền sư Chân Nguyên mong mỏi về một đất nước thống nhất, độc lập, hưng thịnh, nhân dân yên bình trong chánh pháp như các vua Trần đã tạo dựng trước đó. Những tư tưởng phân tích trên khẳng định Chân Nguyên Thiền sư là người có công phục hưng Thiền phái Trúc Lâm ở Đàng Ngoài, trước bối cảnh Phật giáo Trúc Lâm đang trên đà sắp

bị lãng quên. Quan niệm về Thiền của Thiền sư Chân Nguyên có nhiều sắc thái đặc biệt, mới mẻ, nhưng vẫn đậm chất Thiền tông Trúc Lâm, luôn ra sức cống hiến cho đạo pháp và xã hội.

Thiền sư Chân Nguyên vừa là một Thiền sư, vừa là một nhà tư tưởng Phật giáo ở thế kỉ XVII, cũng là một thi Tăng. Và những trước tác của Ngài xứng đáng là một trong những ngọn đuốc sáng, đóng góp rất nhiều cho nền văn học Trung đại Việt Nam.

* Thích Nữ Phước Bảo: Học viên Cao học Khóa 2.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Tương Ưng*, tập 3, Nxb Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP.HCM.
2. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư Tưởng Phật Giáo Việt Nam*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
3. Nhiều Tác Giả (1981), *Tìm hiểu Xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Hà Văn Tấn (2019), *Cửa sổ Lịch sử - Văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, TP.HCM.
5. Lê Mạnh Thát (2018), *Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng*, tập 2, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
6. Nguyễn Khắc Thuần (2002), *Nước Đại Việt thời Lý Trần*, Nxb Thanh Niên, TP.HCM.
7. Thích Thanh Từ (1998), *Thiền Tông Bản Hạnh* giảng giải, Nxb TP.HCM.
8. Thích Thanh Từ (1999), *Thánh Đăng Lục giảng giải*, Nxb TP.HCM.
9. Viện Văn Học (1989), *Thơ Văn Lý-Trần*, tập 2, Quyển thượng, Nxb KHXH, Hà Nội.